

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 39/2017/DS-ST

Ngày: 21/8/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hụi*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Trần Văn Tám.**

2/ Bà **Lý Thị Bé Năm.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Trí** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLST-DS ngày 18/5/2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐST-DS ngày 13/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-DS ngày 03/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim T**, sinh 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai phía nguyên đơn chị **Huỳnh Thị Kim T** trình bày:

Vào năm 2015 chị có tham gia 02 dây hụi do anh **Nguyễn Văn G** làm đầu thảo. Cụ thể:

- Dây thứ nhất: Khai lần đầu vào ngày 15/02/2015 (âm lịch), hụi 500.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, dây hụi gồm 22 phần, trong đó chị tham gia 01 phần. Dây hụi này chị đóng hụi sống đến lần khai thứ 20, mỗi lần đóng hụi sống là 500.000 đồng. Đến lần khai 21 thì anh G tuyên bố vỡ hụi không tiếp tục góp hụi nữa. Như vậy anh G nợ chị số tiền hụi và lãi hụi là 10.000.000 đồng (20 kỳ x 500.000 đồng).

- Dây thứ hai: Khai lần đầu vào ngày 10/12/2015 (âm lịch), hụi 500.000 đồng hụi tháng, mỗi tháng khai 01 lần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 09 kỳ khai hụi, mỗi lần đóng hụi sống là 500.000 đồng. Đến lần khai 10 thì anh G tuyên bố vỡ hụi không tiếp tục góp hụi nữa. Như vậy anh G nợ chị số tiền hụi và lãi hụi là 4.500.000 (9 kỳ x 500.000 đồng).

Ngoài ra, anh G có tham gia 01 dây hụi do chị làm đầu thảo, hụi 1.000.000 đồng, hụi khai lần đầu ngày 01/8/2015 âm lịch, bốn tháng khai 01 lần, anh G tham gia 01 phần, anh G đóng được 03 kỳ khai hụi, đến kỳ khai hụi thứ 4 thì anh G hốt hụi, sau đó anh G đóng được 01 kỳ tiếp theo thì không đóng nữa. Như vậy anh G nợ chị số tiền hụi và lãi hụi là 18.000.000 (18 kỳ x 1.000.000 đồng).

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị T trình bày do thấy anh G gặp khó khăn nên chị chỉ yêu cầu anh G trả cho chị số tiền thực tế đã đóng hội của 02 dây hội trên như sau:

Dây thứ nhất: 20 kỳ = 6.930.000 đồng (Trong đó: các kỳ đóng hội từ trên xuống theo danh sách: là 380.000 + 370.000 + 340.000 + 350.000 + 360.000 + 300.000 + 330.000 + 370.000 + 350.000 + 310.000 + 340.000 + 370.000 + 360.000 + 350.000 + 300.000 + 360.000 + 340.000 + 360.000 + 340.000 + 350.000)

Dây thứ hai: 09 kỳ = 3.190.000 đồng (Trong đó: các kỳ đóng hội từ trên xuống theo danh sách: là 300.000 + 360.000 + 370.000 + 360.000 + 370.000 + 340.000 + 370.000 + 350.000 + 370.000)

Như vậy, tổng cộng số tiền mà anh G còn nợ chị là 10.120.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh G trả cho chị số tiền này làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng do chị làm đầu thảo, anh G tham gia 01 phần do hội chưa mãn, anh G ngưng đóng hội cho chị mấy kỳ và có đưa cho chị 3.000.000 đồng nên chị xin rút lại yêu cầu đối với dây hội này.

* Bị đơn : Anh Nguyễn Văn G, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập họp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng anh đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần hai anh G vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ đối với việc góp hội là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn G, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi, rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với anh G, anh G cũng không có yêu cầu phản tố. Việc này là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này và không xem xét đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh G đã trả cho chị T.

Xét yêu cầu của các đương sự :

Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xét.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Văn G trả nợ tiền góp hội số tiền 10.120.000 đồng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ kèm theo (bao gồm danh sách các hội viên tham gia 02 dây hội, số tiền góp hội các lần). Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Chị Huỳnh Thị Kim T có tham gia chơi 02 dây hội do anh Nguyễn Văn G làm đầu thảo, 01 dây hội 500.000 đồng khai lần đầu là ngày 15/02/2015 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, chị T đã đóng được 20 kỳ với số

tiền thực đóng là 6.930.000 đồng và 01 dây hụi 500.000 đồng khai lần đầu là ngày 10/12/2015 âm lịch, chị T tham gia 01 phần, chị T đã đóng được 09 kỳ với số tiền thực đóng là 3.190.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà chị T góp hụi thực tế là 10.120.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn G, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo để làm làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh đều vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là đúng sự thật. Như vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định về các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh như sau:

Điều 92: Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

1.

2. “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Văn G trả cho chị Huỳnh Thị Kim T số tiền là 10.120.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Chị T yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về án phí DSST: anh Nguyễn Văn G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 218, Điều 244, Điều 271 BLTTDS;

- Điều 357, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hụi, biếu, phượng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T.

Buộc anh Nguyễn Văn G trả cho chị Huỳnh Thị Kim T số tiền 10.120.000 (Mười triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Thời hạn thanh toán: 01 lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh G trả số tiền 18.000.000 đồng trong dây hụi 1.000.000 đồng do chị làm đầu thảo. Chị T được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, mà anh G không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, anh G còn phải trả cho chị T khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn G phải chịu 506.000 đồng, hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí là 812.500 đồng theo biên lai thu số 0000793 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã CL;
- Chi cục THADS TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Giảng